

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1991; Cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh Q chung sống với nhau từ năm 2012, nhưng đến ngày 14-11-2014 mới đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc không trọn vẹn vì không hợp nhau về lối sống nên xảy ra nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh Q đã cố hàn gắn để giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ khoảng 01 năm trở lại đây, do công việc chị làm nhiều nên anh Q còn thường xuyên ghen tuông vô cớ và dùng lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, anh Q yêu cầu chị nghỉ việc.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Kim C, sinh ngày 02-01-2015. Hiện cháu C đang sống với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu nuôi con vì hiện nay con đang do chị nuôi dưỡng, con chị cũng muốn sống với chị, điều kiện kinh tế của chị cũng ổn định, đảm bảo để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận.

**. Bị đơn, anh Nguyễn Thanh Q trình bày:* Anh thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung như chị L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi làm thường xuyên không có thời gian chăm lo cho gia đình và cho con; và chị L hay nói anh cộc cằn; về vấn đề kinh tế, mặc dù anh không đi làm công việc ổn định nhưng kinh tế gia đình đều do anh làm ra. Vì anh thương vợ nên anh thừa nhận có hay khuyên vợ anh đừng làm những việc anh không thích (như đi nhậu...), anh chỉ nói lúc có hai vợ chồng, anh không có đánh đập gì chị L. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng kể từ khi chị L đi thi hội thi thanh lịch của xã, từ đó anh cảm thấy chị L không còn tình cảm với anh.

Về con chung, anh muốn trực tiếp nuôi con chung vì phía gia đình anh có nhiều anh chị em, con anh khi sống bên gia đình anh được tiếp xúc với nhiều người còn sống bên gia đình vợ anh sau này cháu sẽ bị hạn chế khi tiếp xúc đông người. Công việc của chị L thời gian tới sẽ không có thời gian để chăm sóc con, chị L thường xuyên đi trực, kể cả trực ban đêm nên không có nhiều thời gian để chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Q, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Thanh Q đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Cả anh Q, chị L đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh Q tranh chấp về ly hôn; anh Q cư trú tại: Ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh Q là hợp pháp, vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp chứng nhận kết hôn số 113/2014, quyền số 1/2014 ngày 14-11-2014. Nay giữa chị L, anh Q đều thống nhất thuận tình ly hôn, xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L, anh Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ do hai bên cung cấp cho Tòa án và lời trình bày của hai bên tại tòa, có căn cứ xác định cả chị L, anh Q đều có điều kiện vật chất để nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Kim C, sinh ngày 02-01-2015. Việc anh Q cho rằng chị L đi làm không có thời gian để chăm sóc con chung là không phù hợp, bởi lẽ việc chăm sóc con chung giao cho bên nào chăm sóc là để cháu sống đảm bảo không những về điều kiện vật chất mà còn phải đảm bảo về mặt tinh thần, làm sao cho cháu có cuộc sống thoải mái, không bị xáo trộn, ảnh hưởng về mặt tâm sinh lý của cháu. Từ lúc còn chung sống vợ chồng và từ khi chị L trực tiếp nuôi con đến nay chị L vẫn nuôi con chu đáo. Hơn nữa, cháu C là cháu gái, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần thiết tiếp tục giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và con chung chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Do cả anh Q, chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L là nguyên đơn khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh Q. Cho chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh Q được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Bích L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Kim C, sinh ngày 02-01-2015 sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16970 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị L đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực